



BÁO CÁO KINH TẾ VĨ MÔ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2020



KINH TẾ THẾ GIỚI

3



KINH TẾ VIỆT NAM

5



DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ

12

TỔNG QUAN

❖ **Kinh tế thế giới** trong 9 tháng đầu năm 2020 đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi Đại dịch Covid-19; thậm chí, nhiều nước rơi vào khủng hoảng kép về y tế và kinh tế. Đại dịch và các biện pháp phòng chống dịch đã tác động tiêu cực đến cả phía cung và phía cầu của nền kinh tế khi các hoạt động thương mại, đầu tư, du lịch, sản xuất - kinh doanh,... bị đứt gãy, đình trệ hoặc phục hồi yếu, tâm lý người tiêu dùng, doanh nghiệp, nhà đầu tư thấp. Đến nay, một số nước đã đạt được thành tựu bước đầu trong nghiên cứu và sản xuất vaccine, tạo kỳ vọng về kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế trong năm 2021.

❖ **Trong nước**, nền kinh tế đã có nhiều dấu hiệu phục hồi tích cực sau khi dịch bệnh được kiểm soát sau 2 lần bùng phát; là điều kiện tiên quyết để ổn định tình hình kinh tế xã hội, tạo tiền đề phục hồi trong các tháng cuối năm; lạm phát dần được kiểm soát theo mục tiêu; thặng dư thương mại cao kỷ lục, trong đó khu vực kinh tế trong nước tiếp tục là điểm sáng; đầu tư công cải thiện tích cực, tốc độ tăng vốn thực hiện từ NSNN tháng 9 và 9 tháng đầu năm đạt mức cao nhất trong 5 năm qua; nông nghiệp tăng trưởng khá và là bệ đỡ vững chắc cho tăng trưởng kinh tế; chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần hạ mặt bằng lãi suất; tỷ giá song hành cùng sự ổn định của môi trường vĩ mô, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục đạt được kết quả tích cực.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều khó khăn: Tăng trưởng kinh tế thấp nhất trong 10 năm qua; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đà chững lại; tín dụng tăng trưởng thấp, rủi ro nợ xấu gia tăng; thâm hụt NSNN và nợ công dự tăng cao hơn dự kiến song trong tầm kiểm soát; các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn...v.v..

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 9 tháng các năm 2018 -2020 và dự báo cả năm 2020 -2021

Các chỉ tiêu	TH 9T/2018	TH 9T/2019	TH 9T/2020	Dự báo 2020	Dự báo 2021
Tăng trưởng GDP (% ,yoy)	6,96	7,04	2,12	2,3-2,5	6,5-7
CPI bình quân (% ,yoy)	3,57	2,50	3,85	3,5-3,8	3,8-4,0
Chỉ số SXCN - IIP (% ,yoy)	10,6	9,6	2,4	4-5	9-10
Bán lẻ HH và DV tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)	3.235 (+11,3%)	3.635 (+11,6%)	3.674 (+0,7%)	5.105 (+3,32%)	5.474 (+7,24%)
Xuất khẩu (tỷ USD,yoy)	179,5 (+15,8%)	194,6 (+8,4%)	202,86 (+4,2%)	270-272 (+2→3%)	280-285 (+4→5%)
Nhập khẩu (tỷ USD,yoy)	173,1 (+11,6%)	187,5 (+8,4%)	185,87(-0,8%)	250-252 (-1→-0,5%)	263-267 (+5→7%)
Cán cân thương mại (tỷ USD)	6,32	7,15	16,99	18-20	10-15
Vốn FDI đăng ký (tỷ USD,yoy)	25,5 (-0,4%)	26,2 (+3,1%)	21,2 (-18,9%)	33-34 (-12%)	38-39 (+15%)
Vốn FDI thực hiện (tỷ USD,yoy)	13,3 (+6,0%)	14,2 (+7,3%)	13,8 (-3,2%)	19-20 (-5%)	21-22 (10%)
Tăng trưởng tín dụng (ytd, %)	10,33	9,4	5,12(22/9)	8-9	9-10
Biến động VND so USD (ytd, %)	-2,7	-0,1	-0,03	-1→-0,5	-1,5→-1
Số DN thành lập mới	96,6(+2,8%)	102,3(+5,9%)	98,95 (-3,2%)	130(-5,8%)	140(+7,7%)
Số DN quay trở lại hoạt động	22,89 (+8,5%)	27,59(+20,5%)	34,6 (+25,5%)	42 (+6,6%)	44 (+2,3%)
Số DN tạm ngừng hoạt động	23,05(+24,6%)	21,2 (-7,9%)	38,6 (+81,8%)	45 (+57%)	40(-15%)
Số DN hoàn tất giải thể	11,54(+32,1%)	12,1(+4,7%)	12,1(+0,1%)	19,3 (+15%)	17(-5,6%)

* Số trong ngoặc đơn: tăng/giảm so cùng kỳ năm trước

**Số liệu xuất nhập khẩu và cán cân thương mại 9 tháng năm 2020 cập nhật từ TCTK

**Số liệu doanh nghiệp: đơn vị: nghìn doanh nghiệp

Nguồn: Tổng hợp từ TCTK, Bộ KHĐT, TCHQ và Dự báo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV.

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế thế giới xuất hiện những hy vọng cho phục hồi kinh tế nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro lớn và sự bất định cao

Trong quý 3, dù còn khó khăn song kinh tế thế giới (KTTG) đã xuất hiện khả năng phục hồi như: (i) triển vọng phát triển thành công vaccine Covid-19; (ii) dịch bệnh được khống chế và kinh tế bước vào giai đoạn phục hồi tại các nền kinh tế lớn; (iii) sự phát triển mạnh của các mô hình kinh tế mới. Mặc dù vậy, triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 vẫn khó khăn do dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, khó lường tại Mỹ, Braxin, Ấn Độ...v.v.; một số nước/khu vực đã xuất hiện làn sóng thứ 2 (châu Âu); rủi ro làn sóng thứ 3, thứ 4 vẫn hiện hữu.

Trong 9 tháng đầu năm, các tổ chức quốc tế đưa ra nhiều dự báo về tăng trưởng KTTG năm 2020, và đều hạ mức dự báo so với các dự báo trước đó, song đều chung nhận định KTTG và các nước lớn sẽ rơi vào suy thoái sâu trong năm 2020, sau đó phục hồi trở lại vào năm 2021. IMF và WB (6/2020) dự báo kinh tế thế giới năm 2020 suy giảm 4,9-5,2%, và tăng trưởng trở lại 4,2- 5,4% năm 2021, trong khi đó OECD (9/2020) dự báo KTTG suy giảm 4,5% năm 2020 nhưng sẽ phục hồi 5% năm 2021.

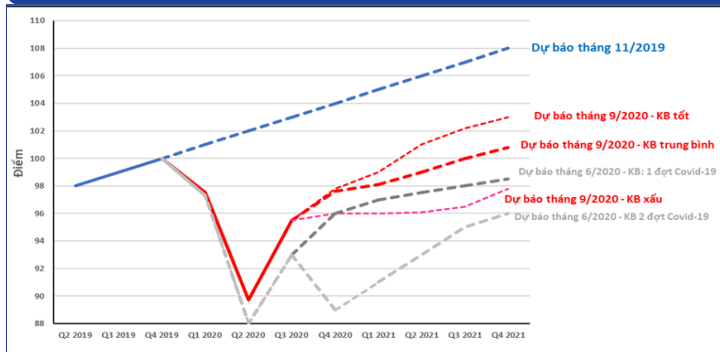
Kinh tế Mỹ - giảm thiểu tác động tiêu cực của Covid-19 nhờ các biện pháp mạnh và các gói hỗ trợ lớn nhằm phục hồi kinh tế

Trong 9 tháng đầu năm, Chính phủ Mỹ và Fed đã thực hiện các chính sách chưa từng có để hỗ trợ phục hồi kinh tế như đưa ra các gói hỗ trợ trị giá hàng nghìn tỷ USD (tương đương 13% GDP), hạ và duy trì lãi suất ở mức 0-0,25% trong dài hạn đã góp phần ngăn chặn đà suy thoái sâu của nền kinh tế. Nhờ đó, kinh tế Mỹ đã xuất hiện các dấu hiệu hồi phục trong quý 3, giai đoạn dịch bệnh đã được kiểm soát tốt hơn cùng với hy vọng điều chế thành công vaccine Covid-19. Một số dấu hiệu hồi phục đáng chú ý của sản xuất, tiêu dùng và cả nền kinh tế Mỹ: (i) Tỷ lệ thất nghiệp, sau khi đạt mức đỉnh 14,7% vào tháng 4/2020, đã giảm đều qua các tháng xuống còn 8,4% vào tháng 8/2020 và dự báo còn tiếp tục giảm trong thời gian tới; (ii) Chỉ số PMI sản xuất duy trì được đà tăng, đạt 53,15 điểm vào tháng 9/2020 (sau khi giảm xuống mức đáy 36,1 điểm trong tháng 4); (iii) Chỉ số PMI dịch vụ cũng đạt mức tăng tích cực và duy trì ở mức cao 54,6 điểm vào tháng 9/2020. Trong tháng 9, Fed dự báo kinh tế Mỹ có thể suy giảm 6,5% năm 2020. Trong khi đó, IMF và WB (6/2020) dự báo kinh tế Mỹ suy giảm từ 6,1-8%; OECD (9/2020) đưa ra dự báo ít bị quan trọng, dự báo kinh tế Mỹ suy giảm 3,8% năm 2020 và tăng trưởng 4% năm 2021.

Kinh tế khu vực châu Âu - suy giảm sâu và thiếu sự cân bằng trong hành động của các nước thành viên cho kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế

Triển vọng phục hồi sớm nền kinh tế khu vực bị ảnh hưởng mạnh khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát và chưa được kiểm soát. Hệ quả là: (i) Tâm lý người tiêu dùng và tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng mạnh, do vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát dịch trở lại, thắt chặt các hạn chế ở một số quốc gia; (ii) Chỉ số PMI tổng hợp giảm chỉ còn 50,1 điểm trong tháng 9/2020 (từ mức 51,9 điểm trong tháng 8) do các hoạt động dịch vụ hầu như bị đình trệ; (iii) Tỷ lệ thất nghiệp gia tăng 5 tháng liên tiếp (từ tháng 3/2020) do nhu cầu việc làm giảm; đạt 7,9% vào tháng 7/2020 và dự báo tăng lên 8,9% vào cuối quý 3/2020 (theo Eurostat, 9/2020). Các biện pháp đáng chú ý được EU áp dụng nhằm hồi phục kinh tế là gói tài chính 1.000 tỷ EUR với thời hạn 7 năm (bao gồm gói vay tài chính “SURE” trị giá 87,4 tỷ EUR để duy trì việc làm tại 16 nước thành viên). Về triển vọng, Ủy ban châu Âu (EC, 7/2020) dự báo kinh tế EU suy giảm 8,7% năm 2020 và tăng 6,1% năm 2021. Trong khi đó, IMF và WB (6/2020) dự báo kinh tế khu vực suy giảm 6,8-8,2% năm 2020 và hồi phục 2-5,4% vào năm 2021; OECD (9/2020) dự báo kinh tế EU suy giảm 7,9% năm 2020 và hồi phục 5,1% năm 2021.

Hình 1: Dự báo kịch bản tăng trưởng kinh tế thế giới 2020-2021 (gốc: Q4/2019 = 100 điểm)



Nguồn: OECD (tháng 9/2020).

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

Kinh tế Trung Quốc – duy trì đà hồi phục chủ yếu nhờ các động lực trong nước

Sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc được duy trì từ tháng 4 đến nay sau khi sớm kiểm soát được dịch bệnh, chủ yếu là do các động lực tăng trưởng trong nước gồm: (i) Doanh số bán lẻ tăng trưởng trở lại trong tháng 8/2020 (+1,25% so với tháng 7) do nhu cầu tiêu dùng, vận tải đã tăng trở lại; (ii) Hoạt động đầu tư được cải thiện nhờ sự gia tăng và hoạt động trở lại của các dự án phát triển cơ sở hạ tầng; (iii) Sản xuất công nghiệp cũng tăng 5,6% trong tháng 8/2020 so với cùng kỳ 2019; với đóng góp đáng kể từ các ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, viễn thông và sản xuất điện (theo TCTK Trung Quốc, 9/2020); (iv) Xuất khẩu của Trung Quốc tháng 8/2020 tăng 9,5% so với cùng kỳ 2019 và là tháng tăng thứ 3 liên tiếp, nhưng chưa thực sự vững chắc do các đối tác thương mại chính vẫn đang gặp khó khăn do Covid-19. Về triển vọng, kinh tế Trung Quốc dự báo sẽ giữ được mức tăng trưởng dương, và là một trong số ít các nước lớn tăng trưởng dương năm 2020 nhờ nhu cầu tăng đối với các sản phẩm y tế, thiết bị công nghệ và đầu tư cơ sở hạ tầng mới. Tuy nhiên, rủi ro căng thẳng thương mại và công nghệ với Mỹ quay trở lại và rủi ro làn sóng Covid-19 bùng phát có thể hạn chế đà phục hồi kinh tế Trung Quốc. IMF (6/2020), WB và ADB (9/2020) dự báo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 1-2% năm 2020 và 6,9-8% năm 2021.

II. KINH TẾ VIỆT NAM

1. Tám (8) điểm sáng

Trong bối cảnh kinh tế thế giới vẫn chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19, trong 9 tháng đầu năm 2020, kinh tế Việt Nam vẫn đạt được một số kết quả đáng khích lệ, cụ thể như sau:

▶ Dịch bệnh nhanh chóng được kiểm soát, tạo điều kiện sớm khôi phục kinh tế

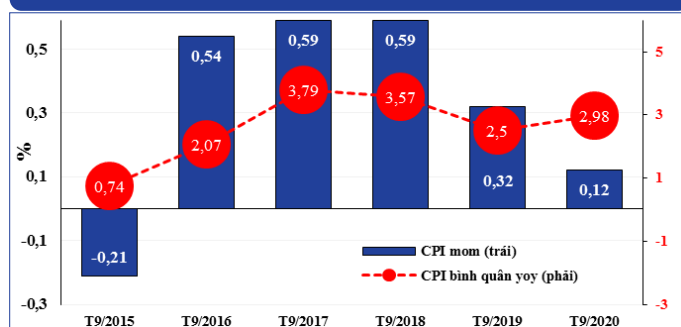
Trong 9 tháng đầu năm, 2 đợt bùng phát dịch Covid-19 (tháng 3 và tháng 7) đã ảnh hưởng lớn tới đời sống kinh tế xã hội trong nước. Tuy vậy, nhờ sự chỉ đạo quyết liệt, nhanh chóng của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương và sự ủng hộ, đồng lòng, chấp hành nghiêm túc của người dân, 2 đợt dịch bệnh đã nhanh chóng được kiểm soát. Điều này đã làm giảm đáng kể thiệt hại về người, giúp nhanh chóng khôi phục lại các hoạt động kinh tế - xã hội, từ đó tạo cơ sở cho sự phục hồi kinh tế trong các tháng cuối năm 2020 và lấy lại đà tăng trưởng mạnh hơn năm 2021.

▶ Lạm phát dần được kiểm soát theo mục tiêu

Chỉ số CPI tháng 9 tăng 0,12% so với tháng trước, chủ yếu do tác động của điều chỉnh tăng học phí của các địa phương; giá điện sinh hoạt, giá gas và giá gạo tăng...v.v. Bên cạnh sự giảm giá của nhóm giao thông và giải trí du lịch do giảm giá xăng dầu và giá dịch vụ du lịch, đáng chú ý, hầu hết các nhóm hàng hóa thiết yếu đều hạ nhiệt như thịt lợn (-3,51%), thịt gà (-1%), thịt gia cầm (-0,68%), thủy sản tươi sống (-0,36%)...mặc dù còn nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh và thiên tai.

Mục tiêu lạm phát bình quân dưới 4% cả năm 2020 là khả thi khi chỉ số CPI tiếp tục đã giảm, CPI tháng 9 tăng **2,98%** (thấp hơn so với mức tăng 3,18% của tháng 8) và bình quân 9T/2020 tăng **3,85%** so với cùng kỳ năm 2019 (so với mức tăng +3,96% của 8 tháng). **Lạm phát cơ bản tháng 9/2020 giảm -0,02%** so với tháng trước và **bình quân 9 tháng tăng +2,59%** so với cùng kỳ năm trước (thấp hơn mức tăng +2,66% của 8 tháng).

Hình 2: Chỉ số CPI tháng 9, bình quân 9 tháng các năm 2015-2020 (%)

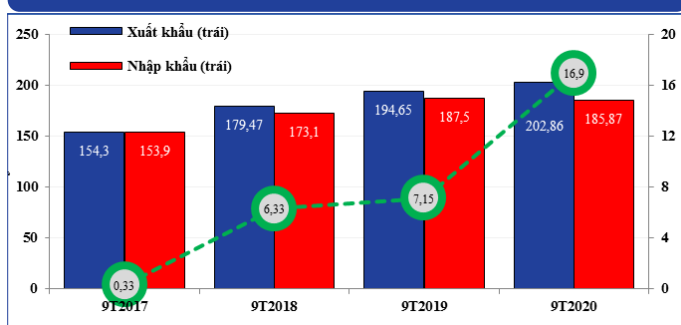


Nguồn: TCTK

▶ Xuất khẩu khả quan, thặng dư thương mại cao kỷ lục, khu vực kinh tế trong nước

XK 9T/2020 đạt 202,8 tỷ USD, tăng **4,2%** so với cùng kỳ 2019 nhờ những sự hồi phục khả quan của nhu cầu quốc tế và hiệu ứng tích cực của Hiệp định EVFTA. Đáng chú ý, nhiều mặt hàng XK chủ chốt đã tăng trở lại đó như gỗ và sản phẩm gỗ (+12,4%), phương tiện vận tải và phụ tùng (+2,8%); gạo (+12%); một số mặt hàng XK giảm ít hơn mức giảm mạnh của 8 tháng trước như dệt may (-10,3%), điện thoại và linh kiện (-5,5%), giày dép (-8,8%), hạt điều (-4%), cà phê (-1%), thủy sản (-3%)... NK 9T/2020 đạt 185,9 tỷ USD, giảm nhẹ -0,8% so với cùng kỳ 2019; trong đó nhóm hàng tiêu dùng tăng 4,4% và nhóm hàng tư liệu sản xuất giảm 1,1%.

Hình 3: Tình hình XNK 9 tháng các năm 2017-2020 (tỷ USD)



Nguồn: TCTK

Về thị trường, 2/6 thị trường chủ chốt tiếp tục giữ được đà tăng là Mỹ (+22,9%) và Trung Quốc (+12,7%), trong khi các thị trường lớn khác vẫn đang sụt giảm (ASEAN, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc giảm lần lượt 12,5%; 5,7%; 2,6% và 2%).

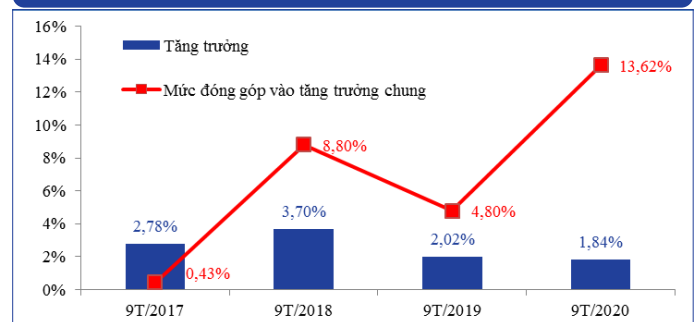
II. KINH TẾ VIỆT NAM

Diễn biến trái chiều của XK và XK khiến cán cân thương mại 9T/2020 mở rộng, thặng dư 16,99 tỷ USD- mức cao nhất trong vòng 4 năm; trong đó, kinh tế trong nước tiếp tục là điểm sáng, là động lực cho tăng trưởng XK của Việt Nam (XK của khu vực trong nước 9T/2020 tăng mạnh 20,2% và NK tăng 4,7% so với cùng kỳ 2019; trong khi XK và NK của khu vực FDI giảm lần lượt 2,9% và 4,8%). Mặc dù chưa đạt mục tiêu tăng trưởng XK cả năm 2020 (7%) song tốc độ tăng của XK sẽ duy trì mức cao hơn NK (NK cũng sẽ sớm khôi phục lại đà tăng cùng với sự khôi phục sản xuất trong nước) trong giai đoạn 2020-2021. Dự báo cán cân thương mại năm 2020 và 2021 lần lượt ở mức 18-20 tỷ USD và 10-15 tỷ USD, góp phần ổn định các cân đối vĩ mô khác.

► Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng trưởng tích cực, đóng góp ngày càng cao vào tăng trưởng chung, phát huy vai trò bệ đỡ cho an ninh lương thực quốc gia

Mặc dù chịu tác động kép (xuất khẩu nông-thủy sản khó khăn đầu ra - nhất là sang các thị trường Trung Quốc, Mỹ, EU và thiên tai khắc nghiệt, hạn hán, xâm nhập mặn tại ĐBSCL) song ngành nông nghiệp đã có sự phục hồi tích cực, tăng 1,84% trong 9 tháng đầu năm (đóng góp 13,62% mức tăng trưởng chung, cao hơn mức đóng góp 4% của cùng kỳ năm 2019), tuy thấp hơn mức tăng 2,02% của cùng kỳ năm 2019 song cải thiện so với mức tăng 1,19% của 6 tháng đầu năm (đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung) nhờ các biện pháp ứng phó với thiên tai, dịch bệnh bước đầu thu được kết quả tích cực. Trong bối cảnh các động lực chính của nền kinh tế là công nghiệp - xây dựng, dịch vụ chịu nhiều tác động tiêu cực của dịch bệnh, khu vực nông nghiệp là bệ đỡ vững chắc cho tăng trưởng nền kinh tế, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Hình 4: Tăng trưởng khu vực nông lâm nghiệp 9 tháng các năm 2017-2020 (%)

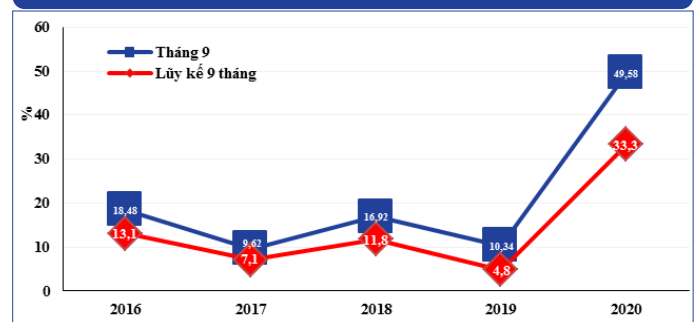


Nguồn: TCTK

► Đầu tư công cải thiện tích cực, tốc độ tăng vốn thực hiện từ NSNN tháng 9 và 9 tháng đầu năm đạt mức cao nhất trong 5 năm qua

Sau 9 tháng, thực hiện vốn đầu tư công tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực. Trong tháng 9, vốn đầu tư từ nguồn ngân sách ước đạt 51,9 nghìn tỷ đồng, +9,5% so với tháng 8/2020 và +49,6% so với tháng 9/2019. Tính chung 9 tháng đầu năm, vốn thực hiện từ NSNN đạt 303 nghìn tỷ đồng, bằng 59,7% kế hoạch năm và +33,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua; tiếp tục cho thấy xu hướng tích cực trong công tác thúc đẩy đầu tư từ nguồn ngân sách khi Chính phủ đã đặc biệt quan tâm và quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân từ nguồn vốn này. Cùng với sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn trực tiếp tại các địa phương của lãnh đạo và các thành viên Chính phủ, hoạt động giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách đã có những kết quả đặc biệt tích cực, tạo sự hỗ trợ, lan tỏa cho nhiều khu vực kinh tế vốn còn đang chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

Hình 5: Tăng trưởng vốn thực hiện từ NSNN tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2020 (% so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

► Chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần hạ mặt bằng lãi suất hỗ trợ nền kinh tế

Trong 9 tháng đầu năm, mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm khi: (i) thanh khoản của hệ thống các TCTD tăng lên nhờ các biện pháp giảm lãi suất điều hành của NHNN (2 lần điều chỉnh giảm các mức lãi

II. KINH TẾ VIỆT NAM

suất điều hành ngày 16/3 và 12/5) và NHNN tích cực hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD thông qua việc linh hoạt bơm/hút ròng qua kênh thị trường mở; (ii) nhu cầu tín dụng yếu khi hoạt động của doanh nghiệp còn nhiều khó khăn do sức cầu tiêu dùng và sản xuất trong nước phục hồi chậm.

Tại thời điểm cuối tháng 9/2020, (i) lãi suất tiền gửi phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,7-4,1%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,4-6,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 6-7%/năm; (ii) Lãi suất liên ngân hàng giảm xuống mức thấp với thanh khoản dồi dào: đến 29/9, lãi suất qua đêm ở mức 0,1%, giảm 1,43 điểm % so với đầu năm; lãi suất kỳ hạn 1 tháng giảm xuống mức 0,28%, giảm 3,32 điểm % so với đầu năm 2020; (iii) Lãi suất cho vay có xu hướng giảm về mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn (một số lĩnh vực ưu tiên có lãi suất cho vay ở mức 5%); 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Tỷ giá cơ bản ổn định, góp phần kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô

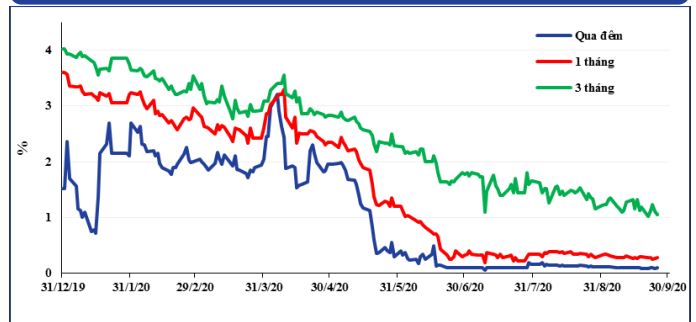
Mặc dù có biến động mạnh trong tháng 3 song nhìn chung tỷ giá ổn định trong 9 tháng đầu năm. Đến ngày 29/9, tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá trung tâm lần lượt tăng **0,03%** và 0,31% so với đầu năm, trong khi chỉ số USD (DXY) giảm 2,2% và nhiều đồng tiền trong khu vực mất giá từ 5-7% so với USD kể từ đầu năm. Tỷ giá USD/VND ổn định nhờ: (i) thanh khoản dồi dào khi thặng dư thương mại 9 tháng đầu năm ở mức cao (17 tỷ USD); (ii) đồng USD sau khi biến động mạnh trong tháng 3 và tháng 4 đã quay lại xu hướng giảm giá trong quý III/2020; (iii) nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ của doanh nghiệp ở mức thấp khi hoạt động xuất nhập khẩu chịu tác động tiêu cực của dịch bệnh; (iv) chênh lệch lãi suất VND-USD vẫn duy trì ở mức dương góp phần duy trì sức hấp dẫn của VND (chênh lệch lãi suất kỳ hạn 3 tháng ở mức 0,3-0,5%/năm)

Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế tiếp tục đạt được kết quả tích cực, hình ảnh và uy tín của Việt Nam được nâng cao

Trong 9 tháng đầu năm, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đạt được kết quả quan trọng. Tiếp theo Hiệp định CPTPP chính thức có hiệu lực từ tháng 1/2019, Hiệp định EVFTA cũng chính thức có hiệu lực từ 1/8/2020 và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đang đàm phán, các nước phần đầu ký kết trong tháng 11/2020. Các hiệp định này, nhất là EVFTA, đã và đang mang lại nhiều cơ hội xuất khẩu, đầu tư, du lịch, đồng thời là nhân tố quan trọng tiếp tục thúc đẩy quá trình cải cách, hoàn thiện thể chế kinh tế trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong 9 tháng đầu năm, đối với hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã phát huy tốt vai trò Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA 41 và Ủy viên không thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc; đồng thời đẩy mạnh quan hệ đối ngoại với các nước, nhất là tăng cường hợp tác trong phòng chống dịch, đem lại nhiều ấn tượng tốt đẹp, nâng cao hình ảnh về Việt Nam; góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

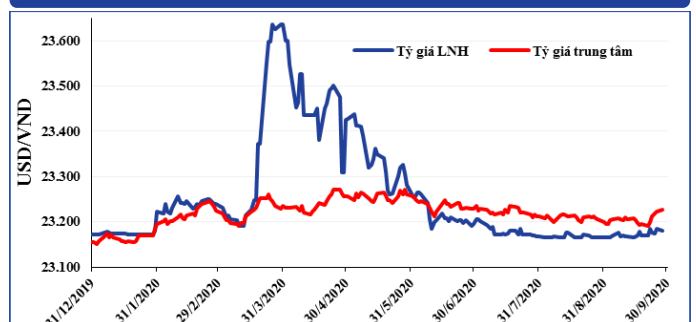
Hình 6: Lãi suất thị trường liên ngân hàng 9 tháng đầu năm 2020 (%)



Nguồn: Bloomberg.

qua đêm ở mức 0,1%, giảm 1,43 điểm % so với đầu năm; lãi suất kỳ hạn 1 tháng giảm xuống mức 0,28%, giảm 3,32 điểm % so với đầu năm 2020; (iii) Lãi suất cho vay có xu hướng giảm về mức 6-9%/năm đối với ngắn hạn (một số lĩnh vực ưu tiên có lãi suất cho vay ở mức 5%); 9-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Hình 7: Tỷ giá USD/VND 9 tháng đầu năm 2020 (%)



Nguồn: Bloomberg.

(iv) chênh lệch lãi suất VND-USD vẫn duy trì ở mức dương góp phần duy trì sức hấp dẫn của VND (chênh lệch lãi suất kỳ hạn 3 tháng ở mức 0,3-0,5%/năm)

II. KINH TẾ VIỆT NAM

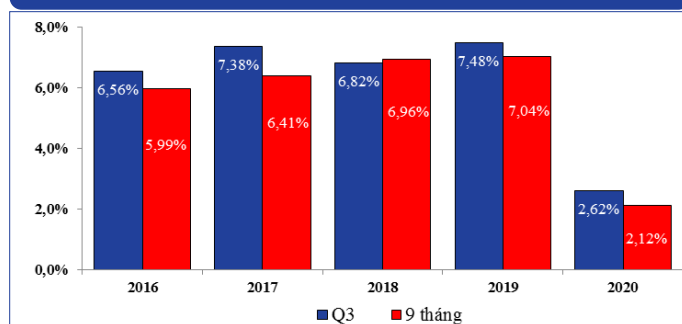
2. Năm (5) hạn chế, thách thức

Mặc dù hoạt động kinh tế - xã hội trong nước đã cho thấy sự phục hồi tích cực khi dịch bệnh được kiểm soát, tuy nhiên kết quả thực hiện 9 tháng cho thấy vẫn còn 1 số **hạn chế, thách thức** sau:

Tăng trưởng GDP ở mức thấp nhất từ năm 2011 đến nay dù một số lĩnh vực có dấu hiệu phục hồi sau dịch bệnh

Nhờ các chính sách điều hành quyết liệt, linh hoạt, kịp thời của Chính phủ, Việt Nam đã kiểm soát được dịch bệnh, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam quý III/2020 đã có những khởi sắc đáng kể so với quý trước, nhưng lũy kế 9 tháng vẫn ở mức thấp nhất trong 10 năm gần đây. Tăng trưởng GDP Việt Nam quý III/2020 ước đạt 2,62% tăng so với quý II (0,39%), thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2019 (7,48%). Lũy kế 9 tháng đầu năm 2020, GDP tăng **2,12%** - là mức tăng trưởng 9 tháng thấp nhất từ năm 2011. Tuy nhiên, *đây vẫn là mức đáng khích lệ trong bối cảnh kinh tế thế giới và hầu hết các nước tăng trưởng âm*. Với tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm, để đạt mục tiêu GDP cả năm 2020 tăng trưởng 2% (2,5%) thì GDP quý 4 cần đạt mức tăng trưởng 1,74% (3,28%).

Hình 8: Tăng trưởng GDP quý III, 9 tháng các năm 2016-2020 (%)

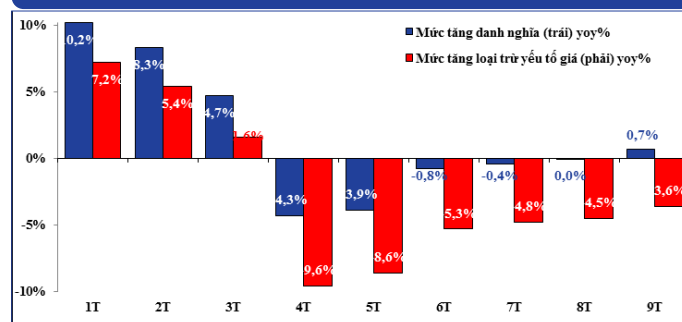


Nguồn: TCTK

Từ phía cung, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản 9 tháng đầu năm tăng 1,84% công nghiệp và xây dựng tăng 3,08% dịch vụ tăng 1,37% đóng góp vào mức tăng trưởng chung lần lượt ở mức 13,62%, 58,35% và 28,03%. Ngành *công nghiệp và xây dựng* vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự đứt gãy chuỗi cung ứng và các thị trường xuất khẩu chính như Trung Quốc, Mỹ, EU ... gặp nhiều khó khăn, quý 3 chỉ tăng 2,95% (so với quý 2 là 1,69%) khiến 9 tháng đầu năm chỉ tăng trưởng 3,08% thấp hơn nhiều so với mức 9,36% cùng kỳ năm 2019. Ngành *dịch vụ* mặc dù chịu tác động trực tiếp bởi dịch bệnh, nhưng đã có dấu hiệu phục hồi, khi tăng 2,75% trong quý 3 (trong khi quý 2 giảm -1,93%). Tuy vậy, lũy kế 9 tháng, dịch vụ chỉ tăng 1,37%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 6,85% cùng kỳ năm 2019.

Từ phía cầu, các động lực tăng trưởng chính như xuất khẩu, tiêu dùng, đầu tư tư nhân và FDI đều chịu ảnh hưởng tiêu cực trong bối cảnh dịch bệnh lan rộng trên toàn thế giới. *Tiêu dùng cuối cùng* quý 3 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2020 tăng lần lượt 1,19% và 0,86% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù cao hơn so với quý trước (0,04% và 0,69%) nhưng vẫn giảm đáng kể so với mức tăng 7,46% và 7,20% của quý 3 và 9 tháng năm 2019. *Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ* quý 3 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2020 tăng lần lượt tăng 4,5% và 0,7% so với cùng kỳ năm trước, có dấu hiệu khởi sắc rõ rệt so với quý trước (ở mức -4,6% và -0,8%) nhưng vẫn giảm đáng kể so với năm 2019 (quý 3 và lũy kế 9 tháng năm 2019 mức tăng lần lượt là 12,2% và 11,6%).

Hình 9: Tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng 9T/2020 (%)



Nguồn: TCTK

Đầu tư nước ngoài (FDI) tiếp tục đà chững lại

Vốn FDI đăng ký 9 tháng đầu năm đạt 21,23 tỷ USD, giảm -18,9% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức giảm thấp hơn so với 3 tháng đầu năm (giảm -20,9%) nhưng giảm mạnh hơn so với lũy kế 6 tháng (giảm -15%). Tổng vốn FDI đăng ký giảm mạnh so với năm 2019 chủ yếu do vốn đăng ký theo hình thức góp vốn, mua cổ phần giảm mạnh -44,9% (chỉ đạt 5,7 tỷ USD) trong khi vốn đăng ký cấp mới cũng giảm

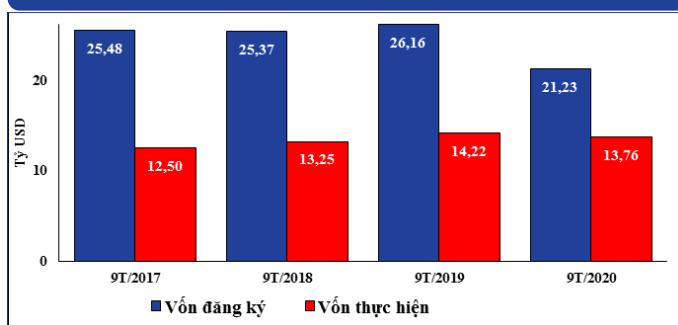
II. KINH TẾ VIỆT NAM

nhẹ -5,6% (đạt 10,36 tỷ USD). Vốn đăng ký bổ sung tăng 6,7% so với cùng kỳ, đạt 5,11 tỷ USD.

Về giải ngân, vốn FDI thực hiện sau 9 tháng đạt 13,76 tỷ USD, giảm -3,23% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, đây cũng là mức giảm thấp hơn so với mức giảm của quý I và 6 tháng đầu năm (lũy kế 3 tháng và 6 tháng năm 2020 lần lượt giảm -6,6% và -5% so với cùng kỳ 2019).

Qua kết quả hoạt động thu hút FDI, có thể thấy rõ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến đầu tư nước ngoài. Tình hình dịch bệnh không chỉ ảnh hưởng trực tiếp, khiến nhiều hoạt động thương mại, đầu tư bị đình trệ mà còn tạo nên tâm lý e ngại, trì hoãn mở rộng đầu tư của nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Điều này khiến vốn FDI đăng ký suy giảm, đặc biệt là vốn đầu tư thông qua hình thức góp vốn, mua cổ phần. Tuy nhiên, mức giảm chủ yếu trong các tháng đầu năm và đã dần hồi phục trong quý 3, giúp 9 tháng chỉ còn sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ. Đây là kết quả đáng ghi nhận từ các nỗ lực phòng chống dịch bệnh và khôi phục kinh tế của Chính phủ. Đặc biệt, trong bối cảnh dòng vốn FDI có xu hướng sụt giảm, với mức giảm tới -40% trong năm 2020 và có thể tiếp tục giảm -5% tới -10% trong năm 2021 (theo dự báo của UNCTAD) thì kết quả thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam là đáng khích lệ.

Hình 11: Tình hình thu hút vốn FDI 9 tháng các năm 2017-2020 (tỷ USD)



Nguồn: Bộ KHĐT.

► Tín dụng tăng trưởng thấp, rủi ro nợ xấu gia tăng

Tính đến 22/9/2020, tăng trưởng tín dụng ở mức **5,12%** so với đầu năm - thấp hơn nhiều so với cùng kỳ các năm trước (9 tháng đầu năm 2019 tăng 9,4%, 9 tháng 2018 tăng 10,33%) chủ yếu do sức cầu còn yếu và khả năng đáp ứng điều kiện tín dụng của 1 số khách hàng khó khăn hơn do năng lực tài chính giảm sút. Theo NHNN, dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 2,27 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 23% tổng dư nợ toàn hệ thống và tiềm ẩn rủi ro đối với hoạt động của các TCTD.

Hiện tại nợ xấu tại các TCTD vẫn được kiểm soát (ở mức khoảng 2%) nhờ việc NHNN cho phép giãn, hoãn nợ mà không chuyển nhóm nợ để có thể cho vay mới phục vụ SX-KD...v.v. (theo tinh thần Thông tư 01 ngày 13/3/2020), song việc xử lý nợ xấu trong thời gian tới phụ thuộc rất lớn vào đà phục hồi của nền kinh tế và nỗ lực của từng TCTD. Đến ngày 14/9/2020, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho trên 271 nghìn khách hàng với dư nợ 321 nghìn tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho gần 485 nghìn khách hàng với dư nợ 1,18 triệu tỷ đồng; đặc biệt các TCTD đã cho vay mới lãi suất ưu đãi (thấp hơn phổ biến từ 0,5-2,5% so với trước dịch) với doanh số lũy kế từ 23/1 đến 14/9/2020 đạt 1,6 triệu tỷ đồng cho 310 nghìn khách hàng. Dự báo nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD có thể tăng đến **3% cuối năm 2020** và **3,5-4% năm 2021**.

► Thâm hụt NSNN và nợ công dự tăng cao hơn dự kiến song trong tầm kiểm soát

Với việc triển khai được khoảng 36% gói hỗ trợ tài khóa khiến chi NSNN tính đến 15/9/2020 tăng mạnh 66,5% so với cùng kỳ 2019. Cùng với đó là tín hiệu tích cực về đầu tư phát triển (8T/2020, tỷ lệ giải ngân đầu tư công đạt 47% kế hoạch, cao hơn mức 41,4% cùng kỳ 2019; tỷ lệ chi đầu tư phát triển/tổng chi NSNN cũng đạt mức cao trong vòng 6 năm (ở mức 22,7%, chỉ thấp hơn mức 28% năm 2019).

Trong khi đó, tổng thu NSNN tiếp tục giảm 12,3% so với cùng kỳ 2019 tuy nhiên, tốc độ giảm thu nội địa đã chững lại (-9,3% so với cùng kỳ, là mức giảm thấp nhất kể từ đầu năm) khi những khó khăn của DN và nền kinh tế dần được tháo gỡ. Thâm hụt NSNN/GDP 9T/2020 ở mức 3,3% (tính trên quy mô GDP 9T/2020) cho thấy dư địa của việc mở rộng tài khóa vẫn khá khả quan. Với việc đẩy mạnh giải ngân các gói hỗ trợ giai đoạn 1 và đưa ra gói bổ sung từ quý IV/2020, dự báo thâm hụt NSNN/GDP cả năm 2020 sẽ ở mức 5,0-5,2%, cao hơn mục tiêu (dưới 4%), song đây là tỷ lệ chấp nhận được và vẫn trong tầm kiểm soát trong bối cảnh phải đưa ra các gói hỗ trợ phục hồi kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

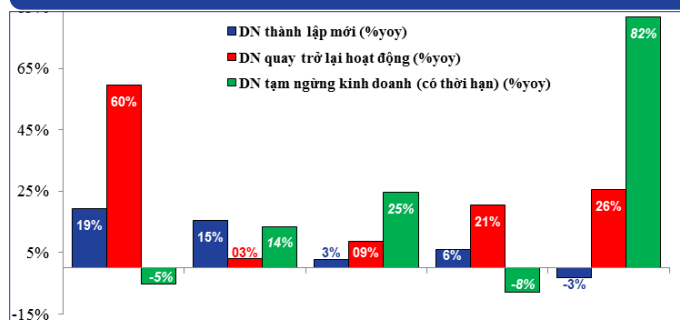
II. KINH TẾ VIỆT NAM

Nợ công năm 2020 dự kiến ở mức **56-58%** GDP, tụy cao hơn mức 54,7% năm 2019 và mức mục tiêu 54,3% năm 2020 song vẫn trong khả năng cho phép (thấp hơn nhiều so với ngưỡng 65% của Quốc hội) và thấp hơn nhiều so với mức nợ công tại các thị trường mới nổi (63,1%) và toàn cầu (101,5%).

▶ Hoạt động doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn

Trong 9 tháng đầu năm 2020, mặc dù nhận được sự hỗ trợ tích cực của Chính phủ, Bộ, ngành song tình hình hoạt động DN vẫn còn nhiều khó khăn. Tính chung 9 tháng đầu năm, có 98.954 DN đăng ký thành lập mới (-3,2% so với cùng kỳ năm 2019) với số vốn đăng ký đạt 1.428,5 nghìn tỷ đồng (+10,7%) và 777.892 lao động (-16,3%). Mặc dù, số DN quay trở lại kinh doanh tăng 25,5% so với cùng kỳ năm trước (9 tháng đầu năm 2019 tăng +20,5% và 6 tháng đầu năm 2020 +16,4%), nhưng số DN tạm ngừng hoạt động lại tăng mạnh **81,8%** so với cùng kỳ năm trước (mức tăng cao nhất trong vòng 5 năm từ 2016-2020), cho thấy hoạt động của DN trong nước gặp rất nhiều khó khăn.

Hình 11: Tình hình thu hút vốn FDI 9 tháng các năm 2017-2020 (tỷ USD)



Nguồn: TCTK

III. DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ

▶ DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2020-2021

Trong bối cảnh tình hình đại dịch Covid-19 phức tạp, khó lường; các báo cáo cập nhật của các tổ chức quốc tế như IMF, WB (6/2020), OECD, ADB (9/2020)... đều nhận định kinh tế thế giới năm 2020 rơi vào suy thoái nghiêm trọng (-4,9% đến -5,2%), trước khi bật tăng trở lại năm 2021 (+3,1-4,2%). Điều này phụ thuộc vào 3 điều kiện: (i) hiệu quả phòng - chống dịch Covid-19 và tiến trình sản xuất, phân phối, sử dụng Vaccine; (ii) hiệu quả thực tế của các gói hỗ trợ của các nước; (iii) việc hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch và phục hồi kinh tế. Trên cơ sở kết quả tăng trưởng đã đạt trong 9 tháng đầu năm, triển vọng tăng trưởng GDP đến cuối năm 2020, cả năm 2021 và thành công của Chính phủ trong thực hiện có hiệu quả, nhất quán các chính sách vĩ mô, kích thích mạnh mẽ 3 động lực tăng trưởng chính (xuất khẩu, đầu tư và tiêu dùng), dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng **2,3-2,5%** năm 2020 và **khoảng 6,5-7% năm 2021**. Mức dự báo này cũng khá tương đồng so với mức dự báo của các tổ chức quốc tế (IMF, WB, ADB) dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng từ **1,8-2,8%** năm 2020 và **6,3-7%** năm 2021; lạm phát được kiểm soát ở mức 3,5-3,8% năm 2020 và khoảng 3,8-4% năm 2021.

- **Về tăng trưởng GDP: theo hướng cầu**, các động lực chính cho tăng trưởng kinh tế trong những năm qua, sẽ còn tiếp tục được phát huy trong quý 4/2020 và năm 2021, gồm: tăng cường xuất khẩu, tăng đầu tư toàn xã hội về cả lượng và chất (cả 3 khu vực: đầu tư công cho các công trình, dự án cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, hạ tầng CNTT-viễn thông, y tế, giáo dục...); thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đầu tư tư nhân, nhất là trong bối cảnh Việt Nam tiếp tục là điểm đến hấp dẫn đối với dòng vốn FDI cũng như trong xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư và chuỗi sản xuất toàn cầu, đầu tư tư nhân tiếp tục là một động lực quan trọng...); và tiêu dùng trong nước theo hướng lành mạnh hơn (xu hướng thay đổi tiêu dùng, đầu tư theo hướng tích cực hơn trong và sau dịch Covid-19). **Theo hướng cung**, những động lực cho tăng trưởng chính sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực nông nghiệp (chú trọng phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao) và công nghiệp - xây dựng (quá trình dịch chuyển đầu tư và chuỗi sản xuất cung ứng toàn cầu tiếp tục tìm đến các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam và việc thúc đẩy đầu tư công (và cả hình thức PPP) sẽ tiếp tục hỗ trợ lĩnh vực xây dựng tăng trưởng. Công nghiệp chế biến - chế tạo trong các ngành sản xuất thiết bị điện tử, máy tính, điện thoại di động, sản xuất và lắp ráp ô tô vẫn sẽ là động lực cho tăng trưởng khu vực công nghiệp nói riêng và cho tăng trưởng kinh tế nói chung. Đáng chú ý, sản xuất - xuất khẩu nông sản và thiết bị điện tử, điện thoại, máy vi tính có thể bù đắp cho khó khăn trong những ngành vốn là thế mạnh của Việt Nam như dệt may, da giày, ... (do suy giảm cả nguồn cung và cầu từ đối tác quốc tế). Trong khi đó, động lực tăng trưởng kinh tế từ khu vực dịch vụ, du lịch, tiêu dùng cá nhân sẽ phụ thuộc nhiều vào diễn biến dịch bệnh trên thế giới và công tác phòng - chống dịch bệnh của Việt Nam, nhưng sẽ cơ bản hồi phục, có thể đạt mức tăng trưởng khoảng **6,5-7%**.

- **Về lạm phát:** Dự báo, chỉ số CPI (đặc biệt nhóm hàng thiết yếu) có thể tăng cao hơn vào những tháng cuối năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thời tiết, thời vụ và việc mở rộng tài khóa tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế; do đó, cần chú trọng trong điều hành, bình ổn giá và phối hợp đồng bộ, hiệu quả các chính sách tiền tệ, tài khóa. Áp lực lạm phát sẽ tăng cao hơn nữa trong năm 2021 do tác động của đà hồi phục kinh tế; sự tăng lên của giá dầu thế giới; lộ trình tăng giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý; độ trễ tác động của chính sách tiền tệ - tài khóa nói lỏng. Tuy vậy, lạm phát sẽ được kiểm soát; khi cung cầu hàng hóa duy trì sự cân bằng, tỷ giá và lãi suất ổn định. Dự báo chỉ số CPI bình quân năm 2021 sẽ tăng **3,8-4%**, tăng 0,2-0,5 điểm % so với năm 2020. Với triển vọng kiểm soát tốt dịch bệnh, nhóm hàng hóa thiết yếu; nhóm giao thông; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch sẽ dần hồi phục trạng thái bình thường trước dịch và sẽ ít biến động hơn năm 2020.

- **Về xuất nhập khẩu:** Mặc dù chưa đạt mục tiêu tăng trưởng XK cả năm 2020 (7%) song tốc độ tăng của XK sẽ duy trì mức cao hơn NK (NK cũng sẽ sớm lấy lại đà tăng cùng với sự khôi phục sản xuất trong nước). Dự báo, cán cân thương mại năm 2020 ở mức 18-20 tỷ USD. Trong năm 2021, XNK tăng trưởng tốt hơn khi thương mại toàn cầu từng bước được khôi phục sau dịch bệnh; kim ngạch xuất khẩu dự kiến tăng 5%, trong khi nhập khẩu tăng 7% so với cùng kỳ, cán cân thương mại dự kiến ở mức thặng dư 10-15 tỷ USD.

- **Về đầu tư nước ngoài:** trong các tháng còn lại của năm 2020, hoạt động của khu vực FDI vẫn sẽ chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid 19 và vốn đăng ký dự kiến sẽ đạt từ 33-34 tỷ USD, thực hiện đạt khoảng 19-20 tỷ USD, lần lượt giảm khoảng -12% và -5% so với cùng kỳ 2019. Tuy nhiên, trong bối cảnh xu hướng dịch chuyển cơ sở sản xuất ra ngoài Trung Quốc của nhiều nhà đầu tư quốc tế đang diễn ra ngày càng rõ nét, và với những lợi thế của Việt Nam về chi phí sản xuất, tham gia các FTA thế hệ mới, môi trường đầu tư đang được nỗ lực cải thiện, dự kiến hoạt động thu hút vốn FDI của Việt Nam sẽ có nhiều kết quả khả quan trong năm 2021. Thu hút FDI năm 2021, dự kiến FDI tăng trưởng tích cực, ở mức khoảng 36-38 tỷ USD, tương đương mức năm 2019 (trước khi xảy ra dịch Covid-19) nhờ xu hướng dịch chuyển chuỗi sản xuất, cung ứng vẫn tiếp tục diễn ra và môi trường kinh doanh của Việt Nam tiếp tục cải thiện tích cực;

III. DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ

- **Về lãi suất:** dự kiến trong 3 tháng cuối năm 2020, lãi suất tiếp tục ổn định nhờ: (i) NHNN tiếp tục việc hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống duy trì lãi suất ở mức thấp; (ii) nhu cầu tín dụng dù có khả năng phục hồi song mức tăng trưởng tín dụng cả năm sẽ không quá lớn (dự kiến 8-9%); (iii) tỷ giá duy trì xu hướng ổn định. Trong năm 2021, lãi suất sẽ chịu nhiều sức ép tăng khi nhu cầu tín dụng phục hồi, áp lực lạm phát cao hơn, song dự kiến chỉ tăng nhẹ khi NHNN tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt để hỗ trợ phục hồi kinh tế.

- **Về tỷ giá:** trong 3 tháng cuối năm 2020 dự báo tỷ giá tiếp tục xu hướng ổn định do: (i) dự trữ ngoại hối ở mức cao, cuối tháng 9/2020 ở mức 92 tỷ USD và dự kiến cả năm 2020 đạt 100 tỷ USD; (ii) triển vọng tăng trưởng kinh tế tốt (Việt Nam là một trong số ít các nước được IMF, WB, ADB dự báo tăng trưởng dương năm 2020); (iii) nguồn kiều hối có thể suy giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh song vẫn sẽ góp phần bổ sung nguồn ngoại tệ. Trong năm 2021, tỷ giá dự kiến tăng ở mức **1-1,5%** so với cuối năm trước do: (i) hoạt động kinh tế phục hồi khiến nhu cầu thanh toán, vay ngoại tệ bằng đồng USD tăng lên; (ii) triển vọng kinh tế Mỹ tăng trưởng sau dịch bệnh, giúp đồng USD tăng giá.

- **Về nợ xấu:** dự kiến nợ xấu nợ bảng cuối năm 2020 có thể ở mức **3% và 3,5-4%** trong năm 2021, cao hơn mức 1,89% cuối năm 2019 khi: (i) các TCTD ghi nhận nợ xấu, trích lập dự phòng trong quý cuối năm (hiện nay Thông tư 01 đang được xem xét sửa đổi theo hướng cho phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn đối với các khoản giải ngân từ ngày 23/1 đến ngày 10/6/2020 – theo dự thảo Thông tư 01 sửa đổi), song xu hướng chung các TCTD vẫn sẽ tăng cường trích lập rủi ro để cải thiện chất lượng tài sản; (ii) đà phục hồi kinh tế còn chậm và gặp nhiều thách thức khiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, trong 3 tháng cuối năm 2020 và cả năm 2021, nền kinh tế có thể gặp **4 thách thức lớn**, gồm: (i) Dịch bệnh dù có thể cơ bản được kiểm soát song vẫn có thể bùng phát trở lại; từ đó sẽ ảnh hưởng tới tâm lý tiêu dùng và hoạt động đầu tư của doanh nghiệp; (ii) Rủi ro nợ công, thâm hụt ngân sách và nợ xấu có thể gia tăng; (iii) Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh cần nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ nhằm đạt được những cải cách thực chất hơn; và (iv) Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường thách thức ổn định và phát triển bền vững.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Năm 2021 sẽ là năm quan trọng bởi đây là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đây cũng là năm kinh tế Việt Nam phải vượt qua những tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 để tận dụng những cơ hội mới được tạo ra từ chính đại dịch này. **Năm 2021 sẽ là năm phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19**, với mục tiêu chính là **giữ ổn định, tạo việc làm**; từ đó tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế bứt phá trong giai đoạn 2022-2025. Do đó, trong quý 4/2020 và năm 2021, Chính phủ cần tiếp tục thực hiện mục tiêu kép: vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, vừa khôi phục các hoạt động kinh tế - xã hội, phấn đấu **tăng trưởng GDP năm 2020 đạt khoảng 2,5%** và 2021 đạt khoảng **6,5-7%**, kiểm soát **lạm phát dưới 4%**. Theo đó, cần:

(i) **Đẩy mạnh xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm** như Trung Quốc, Mỹ, EU, ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc (chiếm đến 80% kim ngạch XK của Việt Nam), nhất là EVFTA đã có hiệu lực, RCEP có thể được ký kết trong năm 2020. Trong đó, đối với thị trường Mỹ, cần chú ý cân bằng cán cân thương mại hơn bằng cách tiếp tục tăng cường nhập khẩu hàng thiết yếu, công nghệ, thiết bị y tế (có thể cả vaccine) từ Mỹ.

(ii) **Tiếp tục ưu tiên đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công (song vẫn đảm bảo chất lượng)**, như là một giải pháp bù đắp thiếu hụt động lực tăng trưởng trong năm 2021 và cũng là động lực tăng trưởng dài hạn. Theo tính toán của Tổng Cục thống kê, khi **giải ngân vốn đầu tư công tăng thêm 1%** sẽ làm tăng trưởng GDP thêm **0,06 điểm %**. Cần ưu tiên nhiều hơn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các cơ sở và dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nền tảng CNTT, phát triển khu vực nông thôn (nhất là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu);

(iii) **Thúc đẩy mạnh mẽ khôi phục kinh tế tư nhân** (cả doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh cá thể, đóng góp gần 40% GDP năm 2019, hầu hết là các DN nhỏ, vừa và siêu nhỏ); điều này cũng phù hợp với định hướng tập trung khai thác, nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường nội địa và hỗ trợ các DNNVV. Theo tính toán sơ bộ, nếu **đầu tư tư nhân (chưa tính đến hộ kinh doanh cá thể) tăng 1%**, thì sẽ giúp GDP Việt Nam năm 2021 tăng trưởng thêm **0,156 điểm %**;

(iv) **Đẩy mạnh kích cầu thị trường nội địa:** quy mô tiêu dùng cá nhân (bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng) của Việt Nam tương đương gần 82% GDP và đóng góp 11,87% GDP năm 2019. Theo đó, nếu tiêu dùng cá nhân tăng 1%, thì sẽ giúp GDP năm 2021 tăng thêm **0,12 điểm %**. Một số lĩnh vực có thể xem xét kích cầu

III. DỰ BÁO VÀ KHUYẾN NGHỊ

nội địa là bán lẻ, du lịch, hàng không,...v.v.

(v) **Phát huy thế mạnh các trụ cột, đầu tàu tăng trưởng, lan tỏa nhất là Hà Nội và TP HCM;** các thành phố này đóng góp 38,3% GDP năm 2019. Vì vậy, nếu hai thành phố này phần đầu kinh tế tăng trưởng thêm 1 điểm %, thì sẽ giúp GDP cả nước năm 2021 tăng trưởng thêm **0,38 điểm %**. (Tuy nhiên, cần lưu ý mức đóng góp của HN và TP. HCM còn do sự cộng hưởng, đóng góp của các DN, chi nhánh tại các tỉnh khác có trụ sở chính tại hai thành phố này). Theo đó, Hà Nội và TP. HCM cần tiếp tục phần đầu tăng trưởng GRDP cao gấp khoảng 1,3-1,5 lần mức tăng trưởng GDP cả nước; đi đầu trong việc phát triển các lĩnh vực dịch vụ, du lịch, giáo dục - đào tạo, y tế, công nghệ cao, tài chính - ngân hàng... từ đó tạo động lực, lan tỏa thúc đẩy tăng trưởng của các địa phương khác. Bên cạnh đó, cũng cần phát huy nội lực của các địa bàn động lực có nhiều tiềm năng tăng trưởng như Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Bình Dương, Đồng Nai...v.v.

(vi) **Đẩy nhanh tiến trình phát triển kinh tế số, Chính phủ và giao dịch điện tử, thanh toán điện tử;** vừa là để tăng năng suất lao động, vừa là theo kịp xu thế và giảm rủi ro lây lan dịch bệnh do tương tác trực tiếp. Theo Báo cáo của Tổ chức tư vấn CSIRO (Úc) phối hợp Bộ KH-CN về “*Tương lai nền kinh tế số Việt Nam hướng đến năm 2030 và 2045*” năm 2019, nếu Việt Nam lựa chọn phương án “*Chuyển đổi số*”, thì GDP Việt Nam có thể tăng thêm **1,1 điểm %/năm**. Theo đó, cần sớm hoàn thiện hành lang pháp lý đối với một số mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ (cho vay ngang hàng, Fintech, dịch vụ Mobile money, kinh tế chia sẻ, xác thực điện tử...), cho phép triển khai mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ (kể cả dạng thử nghiệm sandbox) và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu định danh cá nhân quốc gia ...v.v.;

(vii) **Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ, thực chất môi trường đầu tư - kinh doanh,** để vừa tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp, vừa tận dụng cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài (cả trực tiếp và gián tiếp) trong bối cảnh xu thế dịch chuyển vốn đầu tư sang Đông Nam Á, trong đó Việt Nam là một ưu tiên lựa chọn của các nhà đầu tư nước ngoài;

(viii) **Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng chống dịch Covid-19, khai thác hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức quốc tế** như WB, IMF, ADB, các nhà tài trợ song phương nhằm có thêm nguồn lực hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các định chế tài chính trong việc ổn định lĩnh vực tài chính tiền tệ, tăng độ chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc; đồng thời giảm thiểu thiệt hại (nếu có) trước những cú sốc, đặc biệt là cú sốc từ bên ngoài.

(ix) **Ổn định và có chính sách hỗ trợ cụ thể một số ngành, lĩnh vực** như dệt may, vận tải, du lịch, giáo dục – đào tạo... - là những ngành chịu nhiều tác động tiêu cực từ dịch Covid-19 **nhằm ổn định kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp, giữ được việc làm, tạo tiền đề cho tăng trưởng từ năm 2022.** Đồng thời, lành mạnh hóa các thị trường bất động sản, tài chính, đất đai nhằm đảm bảo phát triển ổn định và bền vững hơn..

VIỆN ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

773 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.932.3891

Email: phongncktdtnc@bidv.com.vn



CHUYÊN GIA KINH TẾ TRƯỞNG BIDV
TS. Cấn Văn Lực



Phó giám đốc: Nguyễn Thị Minh Thu
Email: thunm@bidv.com.vn



Ông Nguyễn Hải Bình - Phòng nghiên cứu kinh tế
Email: binhnh@bidv.com.vn

LƯU Ý SỬ DỤNG THÔNG TIN

Đây là Báo cáo của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV. Báo cáo này mang tính độc lập, thể hiện quan điểm của các thành viên trong Viện, không phải là quan điểm chính thức của BIDV, được cung cấp để Ban lãnh đạo BIDV và một số lãnh đạo, tổ chức bên ngoài tham khảo, trao đổi; qua đó nhận định đánh giá để đưa ra quyết sách phù hợp. Báo cáo này chỉ để tham khảo và không nhằm mục đích tư vấn tài chính hoặc tư vấn đầu tư. Bất kỳ nhận định nào trong Báo cáo này cũng có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV không có nghĩa vụ và không chịu trách nhiệm đối với những tổn thất hay thiệt hại xảy ra cho bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào do việc sử dụng những thông tin và nhận định trong Báo cáo này.